



Báo Giấy • Tháng 7 năm 2015 • Năm thứ 2 • Số 14
Email: baogiaytanhinhthuc@yahoo.com • www.thotanhinhthuc.org
P.O. Box 1745, Garden Grove, CA 92842

Thư Tòa Soạn

“Tại sao có quá nhiều tác phẩm không-thơ (non-poetry) được xuất bản? Tại sao nhà thơ không học kỹ năng thơ (craft)? Tại sao chỉ nói đến nhà thơ mà không nói tới những bài thơ? Tại sao không có bài thơ ẩn tượng nào trong thơ đương đại? Tại sao những người viết tài năng nhất lại quay qua tiểu thuyết và sáng tác ca từ? Bởi vì không ai đọc thơ.” Đó là một loạt câu hỏi trong bài viết “Nobody reads poetry” trên internet. Hoa kỳ là một dân tộc ham đọc sách, với 76% người từ 18 tuổi trở lên đọc ít nhất là 1 cuốn sách trong năm, theo thống kê năm 2014, nhưng số người đọc thơ khoảng 6.7% vào năm 2012. Nếu người đọc đa số lại là những nhà thơ, thì chỉ số trên không đáng kể. Hãy tưởng tượng, một cuốn tiểu thuyết hay được dịch ra nhiều thứ tiếng với số bán hàng triệu bản, và những đêm ca nhạc lớn có thể tụ tập hàng chục đến hàng trăm ngàn người, thì thơ, đúng là đã biến mất trong tâm trí người đọc bình thường. Chúng ta thử lý giải điều này, dù rằng, chưa chắc đã đúng.

Trước thế kỷ 18, thơ và các loại hình nghệ thuật là phương tiện giải trí cho giới quý tộc. Khi những chế độ phong kiến không còn, giới thượng ngạo thơ cũng không còn. Lại nữa, khi kỹ nghệ mở mang, thành thị phát triển, con người sống chung đụng thành xã hội, thành đám đông, nhưng đời sống đô thị cũng tạo nên nỗi đơn độc (solitude), và các vấn đề tâm lý (phân tâm học ra đời vào cuối thế kỷ 19). Sự đơn độc cần thiết cho nhu cầu sáng tạo, nhưng sự tương tác giữa đời sống đơn độc và sáng tạo lại dễ gây ra sự trầm cảm (depression). Không thiếu những nhà văn, nhà thơ hiện đại mắc vào bệnh trầm cảm, và đã tự tử, Ernest Hemingway, Sylvia Plath, John Berryman, Anne Sexton và Hart Crane ... Điều

kỳ diệu là tiến trình sáng tác làm giảm dần sự trầm cảm. Nhưng cứ phải sáng tác hết tác phẩm này tới tác phẩm khác khác, nếu không sẽ lại rơi vào trầm cảm. Điều này có thể tạm giải thích, tại sao những nhà thơ làm thơ không ngừng nghỉ, bất kể hay dở, ở bất cứ thể loại nào. Theo Pat Schneider, “tiểu thuyết hư cấu là một cách khác để nói lên sự thực (truth). Và những sự thực mà chúng ta lưu giữ, bị đè nén một thời gian rất lâu, được trôi lên từ vô thức thành ý thức. Đó là tâm lý cố gắng tự chữa lành.” Với thơ, khi người đọc thơ không còn, thơ trước hết, làm khuây khỏa nỗi phiền muộn của nhà thơ. Người đọc thơ và nhà thơ là một. Thế nhưng, tại sao tiểu thuyết, âm nhạc, và ngay cả hội họa tiếp tục lôi cuốn được giới thượng ngạo còn thơ thì không? Lý do, thơ không bán được, vì thế những nhà thơ không có nhu cầu học hỏi kỹ năng, chuyên chở cảm xúc, và tư tưởng để nối kết người đọc. Thơ đánh mất sức mạnh của nghệ thuật thơ, trở thành một loại thơ *nghĩ*, thơ ý thức, trong khi thơ thật sự, thuộc về vô thức.

Nhưng thơ bán không được thì tại sao số người làm thơ tăng lên theo cấp số nhân? Những nhà thơ Mỹ, theo Joseph Epstein, “Who killed poetry?” (Ai đã giết thơ?), vào năm 1988, cho rằng những nhà thơ không có phương tiện gì kiếm sống ngoài việc dạy làm thơ trong những khóa học dạy viết văn nơi các trường đại học, xa cách hiện thực, quần quanh các giảng đường, và sống trong ảo tưởng, vì thơ cho họ những ảo tưởng (sau năm 2000, với sự bùng nổ internet, lại do những nguyên nhân khác mà chúng ta đã giải thích trong *Báo giấy* số 12). Văn chương hay thơ không thuộc về quá khứ hay tương lai, nó thuộc về thì hiện tại. (Với sự đơn độc và tập trung cao độ trong sáng tác, chúng ta đánh mất

quá khứ và tương lai, chỉ hiện hữu ngay lúc đó, những khoảnh khắc trong thực tại). Vì vậy, nó không đi tới đâu, nó là phù phiếm. Và nếu thế, thơ không có gì quan trọng, là sự giải khuây trong chốc lát – nhưng cho chính nhà thơ thì dễ, còn mang lại niềm vui cho người khác thì quá khó. Đó lý do tại sao thơ tràn lan, và không có ai đọc. Dĩ nhiên, không phải thời nào cũng có con chim phượng hoàng trỗi lên từ đống tro tàn. Những nhà thơ thật sự thì hiếm, và họ ở ngoài những phong trào tiền phong, những ồn ào đổi mới, không đầu vào đâu. Tiếng Anh là ngôn ngữ đa âm nên có lợi thế hơn tiếng Việt, là ngôn ngữ đơn âm, trong việc cải biến thể luật. Họ có thể tiếp nhận văn xuôi để làm loãng đi luật tắc của thể luật, chuyên chở tư tưởng, trong khi thơ vần điệu Việt thì không. Không có tư tưởng, thơ còi cọc trong trò chơi ngữ nghĩa, và không thể vượt ra khỏi những hạn chế về ngôn ngữ.

Thật ra không phải thơ không còn ai đọc. W. H. Auden, Robert Frost, William Carlos Williams, Frank O' Hara cho tới nay vẫn có nhiều người đọc, trong khi đa số những nhà thơ tiền phong và cả những nhà thơ đương đại, thì không. Có lẽ, ngoài tài năng, thơ họ đã nổi kết được với đời sống và tính nhân bản. Người ta đọc là đọc cái khung cảnh xã hội trong thời đại của họ.

Hồ Đăng Thanh Ngọc
HOÀI NIỆM TRĂNG

ánh trăng đã về thăm đồng quê
người nông dân tranh thủ ra cuốc
đồng trong ánh trăng lười cuốc lúa
lên màu mơ ước 1980 lúc đó

hình như có tiếng ếch nhái kêu
gọi mùa lúa chín vàng hãy trở
lại những ánh trăng năm ấy bị
cuốc vỡ vụn cho giấc mơ com

no những nhát cuốc bỏ cực lực
vào đất như sợ ánh trăng sẽ
lặn vào đất lặn vào bóng tối
năm đó có người nằm mơ về

những cuộc ra đi như bây giờ
ai đó đang nằm nhớ về những
ánh trăng mùa cũ một cú hoài
niệm trăng luyênh loãng

Vương Ngọc Minh
Ý – XÂM XOÀNG

mình (không làm gì cả!)
đang nghĩ sau trước gì
đất cũng ăn (ăn đất
sameshit!) thì lại nhìn

thấy chữ trong sương (và
sương thì đang ăn sương!)
mình nghĩ thêm ở đó
(chữ đang ăn sương!) có

lẽ cha (tức là ngài!)
(fucking godot!) sẽ
nhìn thấy mình (con) một
mình hiện giữ rịt nổi

đau (ăn đất!) vâng luôn
luôn tôi chỉ một mình
bây giờ có lẽ sương
đang ăn chữ (sương cũng

ăn sương ấy do tôi
nghĩ!) và tôi nhìn thấy
trong lúc nghĩ trước sau
gì đất cũng ăn (ăn

đất sameshit!) cha (tức
là ngài!) fucking god
ot đã nhìn thấy mình
(con) một mình (vâng luôn

luôn tôi chỉ một mình!)
đang giữ rịt nổi đau
(ăn đất!) mà cha (tức
là ngài!) fucking go

dot sameshit (nghĩa là
không làm gì cả!)

Hạnh Ngô
UỐNG

Em uống rượu hay rượu uống em
mà say khướt nỗi buồn gặp nhau
sau cuộc giao hoan quay quắt nhớ
như là bất lực trước vô thường

rượu đã uống em rượu uống anh
không say rồi không đau mới lạ
thực tế cuộc đời dư ràng buộc
để xa, để nói lời chia xa

ta già vờ tỉnh trước niềm yêu
mới đến ta già vờ lạnh lùng
trước những chuyện đi vào vô cực
nực cười anh đã uống em chiều

đau hôm đó chúng ta đã uống nhau
quá say để không còn là mình
là một hay là tất cả như không.

Huế chiều mưa, 04-11-2014

Hường Thanh
KÈ VỚI IM LẶNG

viết cho HT

dòng chữ này ra
đời từ dòng chữ
sống bên trong nguồn
cội đã ra đời
không lẽ dòng chữ
làm hồi sinh cái
chết làm lời kể
bên trong dòng chữ
làm không còn không
còn dòng chữ tiếp
theo không lẽ làm
đứt mạch con đường
dẫn đi tới dòng
chữ đã chết đã
lặng im qua mấy
thời gian lời kể
chợt cô đơn như
thân cây mất đi
nguồn cội như cái

chết hồi sinh làm
đứt mạch con đường
bởi vì dòng chữ
tiếp theo không còn
có tên là nghe.

21.5.2015

Hoàng Huy Hùng
PHỤC SINH

Dưới tượng thần cứu thế tôi phải bị
gục ngã ngã quy trong ánh chớp mù

mê một tấm bia đời chung cuộc tan
hoang khói lửa một tấm bia đời tôi

ôi tan hoang tưởng đổ cho một cuộc
trở về: thân thể trở về, linh hồn

trở về, trở về cận kề bên nhau
ôi trong màn khói lửa tan hoang thành

đổ cho một sự chờ đợi một cuộc
phục sinh lâu dài, kéo dài một cuộc

phục sinh thoát thai loài linh vật một
loài linh vật thần kỳ trong kỳ vọng,

trong hy vọng về một con quỷ dữ
trong tôi sẽ dịu dần dịu dần vết

thương đau một con quỷ dữ rất thành
thật rất thật thành tâm rất thật thành

tâm.

Chu Thụy Nguyên
CÓ KHI LÀ GIÓ CŨNG NÊN

Biết đâu có khi tôi
Là gió cơn khô cháy
Của bạn sẽ được phe
Phẩy quạt gió tôi trao

Người tình bạn chút hương
Quen gió tôi hứa trao
Tin cho tim bạn lay
Rạo rục tim nàng trong

Giấc mơ tưởng như tuyệt
Vọng tôi là gió chắc
Sẽ là gió chờ yêu
Thương sẽ là gió để

Đi ra biển nghe biển
Thét gào sẽ đi lên
Núi nghe núi vẫy mình
Sẽ đi vào rừng nghe

Rừng nghiêng rặng sao tôi
Lại không là gió để
Phe phẩy lên nổi bụi
Dọc của bạn vì cánh

Đời trái ngang sao tôi
Lại không là gió để
Mang tiếng gào của người
Oan khuất bay xa sao

Tôi lại không là gió
Để thổi bông cho tóc
Em bay bay vào trăng
Mặt má hồng đôi mươi ...

Xuân Thủy
Ô! TRỜI Ô!

trời lại làm mưa mưa
đi đâu đây trong gió
chiều lờng lờng một mình
một mình ... lặng nghe gió

đi về tiếng chuông ngân
ngân mõ cóc cóc chùa
nghiêng nước đổ xe hơi
đổ lại một người đi

đi cánh cò bay trên
tháp rùa kêu gõ nắng
bạc đầu keng keng kinh
kinh nhang trầm thấp khói

lan mờ mờ người mờ
mờ âm thanh lặng tiếng
mở gõ đều đều đều
người người người này người

nọ người kia đi vào
chùa ... người ăn xin ở
cổng xe hơi lăn bánh
lăn bánh trong mưa trong

gió bụi nhòa nhòa ...

04/6/2015

Nguyễn Thánh Ngã
TRONG ĐÔI MẮT ĐỂ

trời thu và đôi mắt
để có gì khác nhau
khi tôi vẽ ra bức
tranh trong hồn mình tuyệt

hào đến nỗi tôi bị
lạc vào trong ấy mãi
ngác ngơ không biết đường
về để khóc hay bức

tranh khóc hay hồn tôi
đang khóc mà hình như
hạt sương khóc nước mắt
đọng trên lá cỏ một

sớm mai tinh khiết có
tiếng rích ri rích ri
nói với mặt trời về
đôi mắt trời xanh quên

màu trời thu xanh để
mắt để dịu dàng nhìn
lá cỏ xanh đang bật
nở giọt giọt âm xanh

NHÓM THƠ

Donald Hall

LTS: Bài viết có lẽ nói về tình trạng thơ Mỹ vào những thập niên 1970, nên chỉ phản ánh tình trạng thơ ở thời điểm đó. Thơ Mỹ có 4 bài tiểu luận quan trọng: “Is Verse a Dying Technique?” của Edmund Wilson vào năm 1928, “Who Killed Poetry” của Joseph Epstein vào năm 1988, “Death to the Death of Poetry” của Donald Hall vào năm 1989, và “Can Poetry Matter?” của Dana Gioia vào năm 1991. Trừ bài của Edmund Wilson đã quá lâu, không còn đúng với hiện trạng thơ Mỹ bây giờ, bài của Dana Gioia đã được dịch và đăng trên Tạp chí Thơ vào mùa Xuân 2001. Còn hai bài của Joseph Epstein và Donald Hall chúng tôi sẽ chuyển dịch và giới thiệu trên Báo giấy và website www.thotanhinhthuc.org. Trong những bài tiểu luận trên, hai bài của Joseph Epstein và Dana Gioia là những bài tạo ảnh hưởng và thảo luận sôi nổi làm thay đổi chiều hướng thơ Mỹ, và cho đến bây giờ vẫn chưa có bài tiểu luận nào vượt qua.

Lịch sử Thơ Mỹ, loạt tiểu luận của những cao thủ trong lãnh vực văn chương.

Bốn mươi năm trước, tôi có làm một bài thơ trên chuyến bay 707 khi ngồi cạnh một doanh nhân vốn vừa lục xong xấp giấy trong chiếc cặp (bây giờ có lẽ ông ta bấm máy) rồi quay sang hỏi: “Ông sinh hoạt trong lãnh vực nào?” Tôi bảo tôi sinh hoạt trong lãnh vực thơ. Ông ta liền nhìn chằm chằm đảo diên ra ngoài cửa sổ và lúng túng nói: “Vợ tôi bà ấy thích thứ ấy.” Một bạn thơ nhạy bén ắt đã hỏi tôi: “Ông đã xuất bản tập nào chưa?” Ngày nay trên một chiếc máy bay tiện nghi hiện đại, câu trả lời sẽ khác. “Vợ tôi, chị em gái bà ta và cả anh em trai của mẹ vợ tôi cũng vậy”. Bốn năm chục năm qua, đâu có nhiều người trong chúng ta làm thơ. Ở Iowa có Hội Sáng Tác nhưng không có MFAs. Chỉ có đại học Yale mới có giải thưởng cho sách xuất bản lần đầu tiên. Tại một số trường đại học, phân khoa tiếng Anh đã mở khóa sáng tác văn. Tôi cho đó là khởi đầu của sự hỗn độn về thi phú.

Từ lâu lắm, chúng tôi không tự cho mình là những nhà thơ, bởi vì có vẻ khoe khoang. Thi sĩ hiếm hoi, có người nổi tiếng hoặc có người không ai biết đến. Khi thơ bắt đầu lan rộng trong công chúng, tôi có cuộc nói chuyện, “Tôi thấy chẳng có lý gì mà bạn phải dành đời mình để làm thơ, trừ phi mục tiêu của bạn là sáng tác những bài thơ hay”. Cuộc nói chuyện của tôi dẫn đến việc lập ra McPoem vốn được Đại học Hamburger đề cao; và đã dự phóng vô số những ngạo mạn khác. Tôi đã nói toạc ra về sự kiêu căng của thế hệ chúng tôi. Một bạn thơ từng là một nhà thơ Danh dự (Laureate), sinh cùng năm với tôi, từng đoạt nhiều giải thưởng thơ, đã viết cho tôi một lá thư cách đây ít năm; trong đó có ghi chú mà ông ta từng chia sẻ với bạn bè. Ông nói ông bị hụt làm thi sĩ vì không thể sánh với John Keats. Ông cũng không bằng Wyatt, Shakespeare, Milton, Herbert, Herrick, Traherne, Carew, Sydney, Marvell ...

Bao nhiêu nhà thơ trẻ ngày nay đã dành nhiều thì giờ để đọc thơ tiếng Anh của những nhà thơ nổi tiếng nhất hồi thế kỷ 17? Những người tốt nghiệp các chương trình MFA có đọc thơ cách nay không lâu, như của John Ashbery? Có lần tôi đọc một nhà thơ đương đại thấy ông đề cập rằng khi vào đại học ông thấy có một giáo sư là người hâm mộ Pound (Ezra Pound). Bạn có thể tưởng tượng nhà thơ

ấy đã hỏi độc giả của ông rằng đời nào một giáo sư lại là người hâm mộ Pound? Các ký giả vẫn viết nhiều bài về sự cạn kiệt thơ, một nghệ thuật đang biến mất. Đã từng có những tiểu luận như thế ít ra đã có từ thời Edmond Wilson, thập niên 1930s. Có lẽ trong thế kỷ 19, mọi gia đình trung lưu đều có một quyển của Longfellow nhưng lại không đọc Whitman hay Donne. Năm 1922, tác phẩm *The Waste Land* bán được hơn 200 quyển trong khi tác phẩm *Harmonium* của Steven vẫn ế ẩm. Ngày nay, một nhà thơ tiếng tăm có thể xuất bản 10,000 quyển.

Có nhiều nhà thơ tự phong hơn hồi các thập niên 1920s, 1820s hay 1620s. Thơ ca là toàn cầu. Hàng ngàn bài thơ nữa được ấn hành trên hơn hàng trăm tạp chí. Có hơn hàng trăm tác phẩm thơ nữa, ba chục giải thơ cho những tác phẩm xuất bản lần đầu. Hãy gia tăng việc đọc thơ và mở nhiều buổi đọc thơ. Hầu hết nhà thơ quá dở (terrible), hầu hết những nhà thơ luôn luôn quá dở. Một số nhà thơ hay nhưng toàn cầu hóa phân ra cho nhiều vùng khác nhau. Độc giả phổ thông đã biến mất, chuyển động giữa những người đọc về lịch sử, tiểu thuyết, tiểu sử và thơ. Ngày nay có nhóm đọc về khoa học giả tưởng, nhóm đọc về xã hội đen, tiểu thuyết lãng mạn, sách huấn nghệ, trinh thám, sách tự học, thi ca và hư cấu văn học. Thời xưa không ai nhắc đến "hư cấu văn học". Sách truyện có cuốn hay cuốn dở; một "tiểu thuyết văn học" rườm rà chẳng khác nào như lửa đang cháy hay tuyết thì trắng vậy.

Hàng ngũ nhà thơ thật đông đảo. Có nhiều người thỉnh thoảng làm thơ mà không duyệt hay xuất bản, mà cũng chẳng đọc thơ ai cả. Dù không quá lỗ để gọi họ là nhà thơ, tôi vẫn nghĩ họ phải nằm trong số đó bởi vì nỗ lực cách tân thơ là cần kíp. Nỗ lực ấy xảy ra thế nào và tại sao? Hồi thập niên 1950s, Dylan Thomas đã thu hút thính giả thơ. Có lần, sau khi sửa soạn cho buổi đọc thơ ở trường, một cậu bé hỏi tôi có thích thơ Dylan không. Sự quen thuộc thơ của cậu bé khiến tôi ngạc nhiên, nhưng tôi trả lời tôi thích công việc về thơ của ông hơn là chính các bài thơ. Cậu giải thích, thế còn ... "Bob Dylan". Đó là lần đầu tôi nghe tên ấy. Lời nhạc bắt đầu bao gồm cảm xúc và ý tưởng. Có lẽ ngày càng nhiều người lần đầu biết đến thơ qua việc nghe tiếng đàn guitar của Bob Dylan. Xương lờ ca khiến ngôn ngữ buông thả, cho nên thi ca còn mở rộng vì những lẽ khác. Khi phân khoa Anh ngữ biến thành lí thuyết, chỉ những lớp sáng tác mới còn văn chương. Ngày nay cũng các trường đại học ấy cấp phát MFA, một cấp bằng cao học về viết văn qua hội thảo (workshop). Thật ít ỏi. Một tạp chí dành cho các cây bút bình dân đã lập thứ tự một trăm chương trình MFA xuất sắc; theo sau bởi danh sách một trăm chương trình MFA hạng nhì. MFA đã trở thành một đại học để ra tiền, và là con bò sữa cho những người tốt nghiệp MFA mở các khóa hội thảo cho các chương trình MFA sắp tới. Đối với nhiều sinh viên, các chương trình này là một trại hè văn chương. Nghe đọc thơ, đến hội thảo và làm bạn với những người như họ trong hai hoặc hơn hai năm, áp ủ giấc mơ đẹp về thơ phú.

Tại sao quá nhiều người trong bốn thập niên qua đã áp ủ giấc mơ này? Những năm qua, tôi đã dùng một câu nghe được nhưng lại chưa bao giờ hiểu: "Thông tin là kẻ thù của nghệ thuật". Nay có lẽ tôi đã hiểu điều mình muốn nói. Không gian quanh ta nặng trĩu những sự kiện sôi động, những từ ngữ không để đọc mà để cung cấp những cái nôm chi tiết, giảm thiểu ngôn ngữ thành những con số và màn ảnh cảm ứng. Việc đội ngũ thơ ca đổ xô về sáng tác là phản ứng đối với nền kỹ thuật vốn chiếm đoạt không gian công cộng. Nhà thơ tự hiến mình cho một vũ trụ của cảm tính chứ không phải cho sự kiện; cho sự theo đuổi cái đẹp chứ không phải thông tin. Bất kể nhà thơ viết giỏi hay không, họ đều tự xác định mình là những người đi tìm cảm quan và cảm xúc. Kỹ thuật là kim loại, nghệ thuật là thịt da. Kỹ thuật là đen trắng, nghệ thuật là màu sắc của danh họa (Henri) Matisse (1869-1954). Kỹ thuật là tốc độ. Nghệ thuật chậm rãi, nghệ thuật biếng nhác, nghệ thuật thường ngủ gục.

Linh Vũ chuyển ngữ

Theo nguyên bản "The Poetry Crowd" của Donald Hall

GHI CHÚ DỊCH THUẬT

Thơ không thể dịch, vì làm sao có thể dịch âm thanh của ngôn ngữ, dù là thơ tự do hay thể luật. Vì thơ tự do dựa vào âm của con chữ, trong khi thơ thể luật dựa vào nhịp điệu hay nhạc tính của dòng thơ. Bùi Giáng, “Dịch là làm một bài thơ khác”, Robert Frost, “Dịch là hỏng” (Poetry is what gets lost in translation), Samuel Beckett không bao giờ cho phép người khác dịch tác phẩm của mình. Vì vậy thơ Tân hình thức Việt mới tìm phương cách sáng tác mới, có thể giữ được nhịp điệu thơ trong khi chuyển dịch, để giới thiệu với người đọc tiếng Anh, *đọc như một bài thơ sáng tác*. Và chủ trương thơ song ngữ, để giới thiệu thơ tiếng Anh với người đọc Việt. Bản dịch chỉ là phần chuyển nghĩa, bạn đọc cần đọc trực tiếp nguyên bản để nghe được nhạc tính và nhịp điệu, sự điệp âm, điệp ngữ của ngôn ngữ tiếng Anh, và cả nghệ thuật của ngôn từ (“A weak piping of feathers” có nghĩa là “Con chim non yếu ớt”). Mặt khác, có lẽ vì thơ Tân hình thức Mỹ dựa vào ngôn ngữ và cách nói (thi pháp) đời thường, nên phải đọc ngay vào nguyên bản mới thấy hay. “Blue Jay” tiêu biểu cho loại thơ đời thường của Tân hình thức, là một bài thơ thể luật *không vần* tiếng Anh, được trích trong tập “Rebel Angels, 25 Poets of The New Formalism”, 1998, Mark Jarman và David Mason biên tập, Story Line Press xuất bản. Thơ *không vần* (dòng thơ 10 âm tiết: *không nhấn, nhấn*, lặp lại 5 lần như vậy) do nhà thơ Anh, Earl of Surrey khám phá vào thế kỷ 16, khi dịch tác phẩm thơ “The Aeneid” của Virgil từ La tinh qua tiếng Anh.

Paul Lake sinh năm 1951, là tác giả của những tập thơ *Another Kind of Travel*, *Walking Backward*, và một tiểu thuyết, *Among the Immortals*. Tiểu luận, thơ và truyện của ông xuất hiện trên nhiều tạp chí định kỳ như *Threepenny Review*, *The Paris Review* ... Ông dạy tại Arkansas Technical University ở Russellville.

Paul Lake
BLUE JAY

A sound like a rusty pump beneath our window
Woke us at dawn. Drawing the curtains back,
We saw – through milky light, above the doghouse –
A blue jay lecturing a neighbor’s cat
So fiercely that, at first, it seemed to wonder
When birds forgot the diplomacy of flight
And met, instead, each charge with a wild swoop,
Metallic cry, and angry thrust of beak.

Later, we found the reason. Near the fence
Among the flowerless stalks of daffodils,
A weak piping of feathers. Too late now to go back
To nest again among the sheltering leaves.
And so, harrying the dog, routing the cat,
And taking sole possession of the yard,
The mother swooped all morning,

Paul Lake
CON CHIM GIẾ XANH

Âm thanh giống như tiếng máy bơm khăn
khăn đánh thức chúng tôi vào lúc rạng
đông. vén bức màn chúng tôi thấy – qua
ánh sáng sớm mai, trên cái chuồng chó –
một con chim giế xanh đang quang quác
dữ dội với con mèo hàng xóm, ban
đầu, chúng tôi phân vân hình như những
con chim đã quên mất sự khôn ngoan
là nên bay đi hơn là đánh nhau
và thay vì cứ bỏ nhau giận dữ,
với tiếng kêu chát chúa, và nhát mỗ
dữ dội. Sau đó, chúng tôi khám phá

ra lý do. Gần hàng rào giữa những
cuống hoa thủy tiên vàng, một con chim
non yếu ớt. Con chim non quá yếu
để có thể bay về chiếc tổ che
khuất giữa những tàn lá. Và vì vậy
con chim mẹ – quấy chó, đuổi mèo, đập
chiếm chiếc sân, và bỏ nhà suốt buổi
sáng. Khi trở lại tôi thấy con chim

I found her there
Still fluttering round my head, still scattering
The troops of blackbirds, head cocked toward my car
As if it were some lurid animal,
When I returned from work. Still keeping faith.
As if what I had found by afternoon
Silent and still and hidden in tall grass
Might rise again above the fallen world;
As if the dead were not past mothering.

* “the dead were not past mothering.”: “the dead could be coaxed back to life.”

Khế Iêm

KHUYA KHOẮT

Gửi HDTN

Tôi bước lên những bậc
thang ngoằn ngoèo ngoằn ngoèo
trong khu chung cư rồi
bước xuống bước xuống hai

cánh tay duỗi thẳng hai
bàn chân nhấc lên đặt
xuống không cân đối nhau
như bước chân không khớp

với bậc thang những bậc
thang khập khểnh so với
con đường những bước chân
lên lên xuống xuống hàng

giờ hàng giờ những bậc
thang bất động bất động
những bước chân nhảy nhót
lê lê lét lét những

bước chân tình nhân những
mối tình tỏ tình những đêm
đêm ngày ngày sáng sáng
tối tối đợi chờ những

bước chân vang tôi ngồi
xuống ngồi xuống hai bàn
chân tách lia ống chân
không động đây động đây

mẹ còn đó, vẫn vỗ cánh trên đầu
tôi, vẫn làm cho lũ chim kết bay
tán loạn, chu mỏ về phía chiếc xe
của tôi, như thể chiếc xe là con
vật ghê gớm nào đó. Con chim mẹ
quyết bảo vệ chim con. Như thể tôi
đã thấy vào lúc trưa, một thứ gì
đấy, im lặng và tĩnh lặng và ẩn
nấp trong cỏ, có thể trôi lên từ
bên kia thế giới; như thể kẻ chết
được dỗ ngọt trở lại với đời.

Khế Iêm dịch

những bậc thang ngoằn ngoèo
từng bậc từng bậc và
những bước chân vờ như
không thấy nhau tôi vờ

như không thấy tôi lỏng
lẻo giữa nửa khuya khoắt.

Biển Bắc

BỨC TRANH VỪA VẼ XONG

Không hiểu hiểu thế
nào mà khi thẳng bé tròn
xoe đôi mắt reo
lên rằng bức tranh vừa vẽ
xong đẹp quá (!) tiếp
với câu hỏi rằng tại sao
chiếc máy bay trong
bức tranh đó không bay ra
khỏi khung vải ông
họa sĩ hết nhìn nó lại
ngó qua tấm giấy
thẳng bé vẽ hình người bằng
một đầu thập có
vòng tròn trên đó với đôi
mắt tròn xoe rồi
chợt cười vang ném bó cọ
lên trời nhìn lại
bức tranh vừa vẽ xong reo
lên rằng hỏng bét (!)

(cuối 7, không 8)